

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-ST

Ngày 07 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Thanh Tâm và Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc M, sinh ngày 24 tháng 10 năm 1984, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Số nhà 08, ngõ 309, đường L, tổ 04, phường T, thành phố T1; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Bùi Đăng C, sinh năm 1953 và bà: Trịnh Thị H, sinh năm 1960; Vợ: Lưu Thị Th, sinh năm 1988; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 26/2008/HSST ngày 11/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xử phạt 07 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/5/2008; chấp hành xong án phí ngày 30/5/2008; Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội số 2135 ngày 29/7/2011 của UBND thành phố T1, thời hạn 12 tháng; Quyết định xử phạt hành chính số 09 ngày 02/01/2019 của Công an thành phố T1, xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 04/3/2019; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/4/2020 đến

ngày 25/4/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an thành phố T1; có mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Tăng Đình Ch, sinh năm 1957; Trú tại số nhà 41, tổ 13, phường Q, thành phố T1, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

2. Ông Phạm Duy H1, sinh năm 1961; Trú tại số nhà 06, tổ 08, phường Q, thành phố T1, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 22/4/2020, Bùi Ngọc M điều khiển xe máy nhãn hiệu SYM-ANGEL biển số đăng ký 36H8-4197 đi từ nhà ra khu vực đường P, tổ 17, phường K, thành phố T1, tỉnh Thái Bình với mục đích mua ma túy (Hêrôin) về sử dụng cho bản thân. Tại đây M gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 02 gói ma túy mỗi gói được gói bằng giấy tráng kim màu trắng hết 400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, M cầm ở lòng bàn tay phải rồi điều khiển xe máy đi để tìm chỗ sử dụng. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi M đi đến khu vực đường P, tổ 18, phường Q, thành phố T1 thì bị tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T1 yêu cầu dừng xe lại để kiểm tra vì nghi có liên quan đến ma túy. Khi kiểm tra có sự chứng kiến của ông Tăng Đình Ch, ông Phạm Duy H1, M tự giác giao nộp cho tổ công tác từ lòng bàn tay phải 02 gói được gói bằng giấy tráng kim màu trắng, bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng, dạng cục là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,2028 gam. Sau đó tổ công tác đưa M và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường Q, thành phố T1 để làm việc. Tại đây, kiểm tra người M quản lý tại túi quần hậu bên phải M đang mặc số tiền 168.000 đồng; kiểm tra xe máy biển số đăng ký 36H8-4197 không phát hiện thu giữ gì. Công an phường Q, thành phố T1, tỉnh Thái Bình đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và quản lý, niêm phong số vật chứng thu trên và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T1 giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận giám định số 142/KLGD-PC09 ngày 23/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi: “Vật chứng thu giữ của Bùi Ngọc M là ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,2028 gam”.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc M không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số 97/CT-VKSTPTB ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Bùi Ngọc M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Bùi Ngọc M mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ từ ngày 22/4/2020.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, không giao dịch để bán kiếm lời nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy hoàn trả sau giám định; trả lại cho bị cáo số tiền 168.000 đồng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM-ANGEL biển số đăng ký 36H8-4197 (đã qua sử dụng), nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/4/2020, tại khu vực đường P, tổ 18, phường Q, thành phố T1, tỉnh Thái Bình, Bùi Ngọc M có hành vi tàng trữ trái phép trong người 02 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,2028 gam, mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác của Công an phường Q, thành phố T1

Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 18 giờ 40 phút ngày 22 tháng 4 năm 2020; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu; bản kết luận giám định số: 142/KLGD-PC09 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; lời khai của người chứng kiến; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroin, Cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

...”.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Ngọc M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Ngọc M không có tiền án tiền sự, bị cáo có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xử phạt về tội trộm cắp tài sản; quyết định về việc áp dụng đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã

hội và quyết định xử phạt vi phạm hành chính; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo có bố mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo M thấy được chính sách khoan H1 của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*, do bị cáo tàng trữ ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, thu nhập của bị cáo không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Bùi Ngọc M khối lượng 0,2028 gam ma túy loại hêrôin còn lại sau giám định là 0,1550 gam ma túy trong phong bì niêm phong số 142/KLGD-PC09 là vật Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo Bùi Ngọc M số tiền 168.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7.3] Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu SYM-ANGEL biển số đăng ký 36H8-4197, tài liệu điều tra xác định chiếc xe máy này là của anh Lê Đình Nam, sinh năm 1975, trú tại thôn 6, xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa mua và đăng ký từ năm 2003. Anh Nam đã bán lại cho bị cáo Bùi Ngọc M từ đầu năm 2020 với giá 2.000.000 đồng. căn cứ Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Bùi Ngọc M khai mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, khu vực đường P, tổ 17, phường K, thành phố T1 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 22/4/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy có trong 01 phong bì niêm phong số 142/KLGD mẫu vật hoàn trả sau giám định.

3.2. Trả lại cho bị cáo số tiền 168.000 đồng; chiếc xe máy nhãn hiệu SYM-ANGEL biển số đăng ký 36H8-4197 (đã qua sử dụng) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố T1, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 14 tháng 7 năm 2020).

4. Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/8/2020).

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền